

TUẦN 9 : NỘI DUNG TỰ HỌC CHO HỌC SINH KHÁ – GIỎI

Bài 6 : Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”.

I. Vài nét về tác giả, tác phẩm:

1. Tác giả:

a. Cuộc đời:

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tục gọi là Đồ Chiểu.
- Quê cha ở Thừa Thiên – Huế, ông được sinh tại quê mẹ ở Gia Định.
- Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu gặp nhiều khổ đau, bất hạnh:
 - + Ngay từ nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu đã theo cha chạy giặc. Từ một cậu ấm con quan, bỗng chốc trở thành một đứa trẻ thường dân sống trong cảnh chạy loạn, trả thù, chém giết.
 - + Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu đỗ tú tài tại trường Gia Định. Năm 1846, ông ra Huế học, chuẩn bị thi tiếp tại quê cha, nhưng lúc sắp vào trường thi thì nhận được tin mẹ mất, phải bỏ thi trở về Nam chịu tang mẹ (1849). Dọc đường về, Nguyễn Đình Chiểu bị đau mắt nặng rồi bị mù. Ông bị người yêu bội ước, công danh dang dở.
 - Không khuất phục trước số phận oan nghiệt, Nguyễn Đình Chiểu đã ngẩng cao đầu sống một cuộc sống có ích: mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh cho dân, và tiếng thơ Đồ Chiểu cũng bắt đầu vang khắp miền Lục tỉnh:
 - + Là một thầy giáo, ông đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, được nhiều thế hệ học trò kính yêu.
 - + Là thầy thuốc, ông xem trọng y đức, lấy việc cứu người làm trọng.
 - + Là nhà thơ, Nguyễn Đình Chiểu quan tâm đến việc dùng văn chương để hướng con người đến cái thiện, đến một lối sống cao đẹp, đúng đạo lý làm người. Khi quê hương bị thực dân Pháp xâm lược, ông dùng thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân.
 - Nguyễn Đình Chiểu còn là tấm gương sáng ngời lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống ngoại xâm:
 - + Ông là lá cờ đầu trong nền thơ ca yêu nước chống Pháp. (Lên lớp 11, các em sẽ được học hai tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu viết về nội dung yêu nước. Đó là “Chạy giặc” và “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”).
 - + Ngay từ những ngày đầu giặc Pháp xâm lược Nam Bộ (1858), Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm; kiên quyết giữ vững lập trường kháng chiến; cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn bạc việc chống giặc và sáng tác thơ văn để khích lệ tinh thần chiến đấu của các nghĩa sĩ. Thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu có tác động tích cực đối với cuộc chiến đấu của nhân ta đương thời. Bởi vậy, mà ông được mệnh danh là “Thư sinh giết giặc bằng ngòi bút” (ý thơ Tùng Thiện Vương).
 - + Khi triều đình nhà Nguyễn bại nhược, bất lực đến mức phải dâng cả Nam Kỳ lục tỉnh cho giặc Pháp, Nguyễn Đình Chiểu đã nêu cao khí tiết, giữ gìn lối sống trong sạch, cao cả, từ chối mọi cám dỗ của thực dân, không chịu hợp tác với kẻ thù.

b. Sự nghiệp văn chương:

- Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ lớn của dân tộc. Ông đã để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm:
 - + Truyền bá đạo lý làm người như “Truyện Lục Vân Tiên”, “Dương Từ - Hà Mậu”...
 - + Cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước như “Chạy giặc”, “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”, “Thơ điều Trương Định”...
- *Trong một bài viết của mình, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã có những lời so sánh, ví von điệu vợi để tưởng nhớ tới nhà thơ, người chiến sĩ yêu nước đầy tự hào của dân tộc ta ở thế kỷ 19 –

Nguyễn Đình Chiểu: “Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, thoát nhìn thì chưa thấy sáng, song càng nhìn thì càng thấy sáng. Nguyễn Đình Chiểu – nhà thơ yêu nước vĩ đại của nhân dân Nam Bộ thế kỉ XIX là một trong những ngôi sao như thế!”.

* “Một con người tật nguyền như vậy, nếu chỉ sống bình thường, trong sạch cũng là quý, không ai nõ đòi hỏi phải gánh vác việc đời. Ấy mà cụ đã sống và đã làm việc với ba cương vị trí thức, luôn luôn có mặt ở phía trước, luôn luôn gương mẫu, công hiến không kể mình, và như vậy cho đến ngày từ giã cõi đời. Còn có tấm gương người mù nào đáng soi hơn cho người có đủ hai mắt”.

(Lê Trí Viễn)

2. Tác phẩm:

- “Truyện Lục Vân Tiên” là truyện thơ Nôm, được viết vào khoảng đầu những năm 50 của thế kỉ XIX. “Truyện Lục Vân Tiên” là sách gối đầu giường của người Nam Bộ, là tiếng lòng của người miền Nam.

- Truyện có kết cấu theo kiểu truyền thống của truyện phương Đông, theo chương hồi, xoay quanh diễn biến cuộc đời của nhân vật chính.

- Nội dung của truyện là truyền dạy đạo lí làm người, cụ thể là:

+ Ca ngợi tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình nghĩa vợ chồng, tình cha con, mẹ con, tình cảm bạn bè, lòng yêu thương sẵn sàng cứu mang, đùm bọc những người gặp cơn hoạn nạn.

+ Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy.

+ Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời: thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà.

- Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” nằm ở phần đầu của truyện: Vân Tiên trên đường lên Kinh Đô dự thi, chàng gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành. Chàng đã bẻ cây bên đường làm gậy. Xông thẳng vào những kẻ trong tay có vũ khí. Chàng đã đánh tan chúng, cứu được Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.

II. Phân tích hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích.

Mở đầu truyện Lục Vân Tiên, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu viết:

Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.

Lời thơ giản dị nhưng là một quan niệm đạo đức xuyên suốt tác phẩm. Với Nguyễn Đình Chiểu, sáng tác văn chương không phải vì sự nghiệp văn chương, mà trước hết, quan trọng hơn hết, viết văn là để giáo dục đạo đức, để khẳng định và tôn vinh đạo nghĩa, đạo lí ở đời. Truyện thơ “Lục Vân Tiên” là tác phẩm tiêu biểu cho quan niệm đó của Nguyễn Đình Chiểu. Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã xây dựng thành công chân dung người anh hùng trượng nghĩa. Lục Vân Tiên chính là nhân vật tiêu biểu cho quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu. Lục Vân Tiên là chàng trai dũng cảm, có lòng “nhân” sẵn sàng làm việc “nghĩa”. Lục Vân Tiên vốn con nhà thường dân, nhưng học giỏi, văn võ kiêm toàn. Chàng đang hào hứng trên con đường lên kinh ứng thi. Trên đường lên kinh, bất ngờ gặp toán cướp đang trêu ghẹo con gái nhà lành, Lục Vân Tiên nhanh nhẹn “ghé lại bên đàng, bẻ cây làm gậy” xông thẳng vào giữa bọn cướp. Bọn cướp đông đặc. Tên tướng cướp “mặt đỏ phừng phừng”, dữ tợn như một con ác thú. Chúng “truyền quân bốn phía bủa vây bịt bùng”. Lực lượng thật là quá chênh lệch. Vậy mà, Vân Tiên không chút nao núng:

Vân Tiên tả đột hữu xông
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

Tác giả không tả tỉ mỉ trận giao chiến mà chỉ kể ngắn gọn bằng mấy dòng thơ, một câu so sánh và sử dụng linh hoạt thành ngữ “tả đột hữu xông”. Hình tượng Vân Tiên hiện lên giống như một dũng tướng, sánh ngang với Triệu Tử Long thời Tam Quốc trong trận phá vây quân Tào Tháo ở Chương Dương, Trường Bản ngày xưa. Triệu Tử Long chiến đấu vì ngôi vua nhà Hán, vì bảo vệ ấu chúa A Đẩu, dầu sao vẫn là nghĩa vụ của một bề tôi trung thành. Còn ngày nay, Lục Vân Tiên chiến đấu vì người dân gặp nạn, cứu dân, trừ ác, xuất phát từ lòng nhân. Giản dị, vô tư mà trong sáng cao đẹp biết bao! Cuộc chiến đấu của chàng y như trận đánh của Thạch Sanh, diệt đại bàng cứu nàng công chúa. Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh của nhân dân, của điều thiện nên nó vô địch:

Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đảng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.

Lời thơ giản dị, mộc mạc, song người đọc có thể cảm nhận được sức mạnh của người anh hùng. Đó là sức mạnh của một người anh hùng sẵn sàng xả thân vì việc nghĩa, sức mạnh xuất phát từ một người có lòng nhân. Chiến thắng của Lục Vân Tiên là sự khẳng định của chân lí: chính nghĩa thắng hung tàn. Tự nguyện dấn thân vào vòng nguy hiểm, chiến đấu hết mình, thắng lợi rực rỡ... tất cả đều vì nhân nghĩa, nên sau thắng lợi, Lục Vân Tiên không chút kiêu ngạo. Trái lại, chàng thật khiêm nhường, chính trực. Chàng đã ôn tồn thăm hỏi tận tình từ tên họ, gia cảnh đến quê hương, nguyên do gặp nạn của hai cô gái. Khi Nguyệt Nga định xuống kiệu để tạ ơn Vân Tiên, chàng đã vội vàng can ngăn:

Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
Nàng là phận gái, ta là phận trai.

Lời nói của Lục Vân Tiên cho ta thấy chàng ý thức rất rõ về lễ giáo phong kiến, câu nói đã bộc lộ một quan niệm tư tưởng đạo đức xã hội thời phong kiến. Qua đó, ta thấy Lục Vân Tiên là một người hiểu biết, đúng mực, đáng trân trọng. Đáng mến, đáng phục hơn nữa là sau khi nghe tiểu thư Kiều Nguyệt Nga – nạn nhân được chàng cứu giúp – kể lể, thở than, ca ngợi và tha thiết muốn báo ân thì:

Vân Tiên nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đã rõặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì?

Lục Vân Tiên đã “cười” khi nghe Nguyệt Nga nói sẽ đền ơn. Đây là hành động cho thấy vẻ đẹp trong phẩm chất, khí tiết của Lục Vân Tiên. Đây không phải là cái cười khinh bạc mà là cử chỉ chứng tỏ ý nghĩa cao cả của hành động cứu người: cứu người không phải để màng trả ơn, cứu người đơn giản chỉ là để giúp đỡ con người thoát khỏi vòng luân lạc. Câu nói “Làm ơn há dễ trông người trả ơn” nôm na, giản dị nhưng đã cho ta thấy tấm lòng chất phác và nghĩa khí của Lục Vân Tiên. Chàng đã khẳng định việc mình làm là hoàn toàn “tự nguyện”. Chàng đã hành động vì lòng nhân, vì nghĩa lớn, trừ kẻ ác, bảo vệ người lương thiện. Gọi là ơn cũng được nhưng chàng làm ơn không phải để màng trả ơn. Sau nữa, chàng nhắc tới sử sách, nhắc tới các bậc hiền nhân xưa:

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Người xưa nói: “Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã”. Nghĩa là: Thấy việc nghĩa mà không làm, hèn nhát. Làm người thế ấy cũng phi anh hùng. “Phi anh hùng” là những kẻ tiểu nhân, hèn nhát. Lời của Vân Tiên chắc nịch, vừa để đối chứng, phê phán những kẻ tầm thường, vừa khẳng định việc làm

là đúng đắn, là tất yếu, hiển nhiên. Đó chính là lẽ sống của chàng. Hình ảnh Lục Vân Tiên, lời chàng nói, nhân cách và hành động của chàng khiến ta liên tưởng đến Từ Hải trong “Truyện Kiều”:

Anh hùng tiếng đã gọi rằng

Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha.

Họ đều là những người anh hùng, là hiện thân cho khát vọng công bằng, công lí trong xã hội. Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là đoạn trích hay không phải bởi vì nó có nhiều câu hay, lời đẹp, nghệ thuật tinh tế mà vì những chi tiết, sự việc, những nhân vật tỏa sáng đạo lí, vì những ý tưởng giáo huấn chân thành, thấm thía. Trong đó, hình tượng Lục Vân Tiên đã được khắc họa thành công với phong cách sống phóng khoáng, với vẻ đẹp phẩm chất của người dân vùng Nam Bộ: anh hùng, chính trực, giàu lòng yêu thương con người. Đây cũng là hình tượng tiêu biểu cho quan niệm nhân sinh tiến bộ của Nguyễn Đình Chiểu: việc nhân nghĩa là hành đạo giúp đời.

Chủ đề: NGƯỜI LÍNH VÀ CHIẾN TRANH

Bài 1: “ĐỒNG CHÍ” - CHÍNH HỮU.

A. Kiến thức cần nhớ.

1. Tác giả

- Chính Hữu tên là Trần Đình Đắc, sinh năm 1926, quê ở Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
- Ông tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Từ người lính Trung đoàn Thủ đô trở thành nhà thơ quân đội.
- Chính Hữu làm thơ không nhiều, thơ ông thường viết về người lính và chiến tranh, đặc biệt là những tình cảm cao đẹp của người lính, như tình đồng chí, đồng đội, tình quê hương đất nước, sự gắn bó giữa tiền tuyến và hậu phương.
- Thơ ông có những bài đặc sắc, giàu hình ảnh, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc.
- Chính Hữu được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000.

2. Tác phẩm

- Bài “Đồng chí” sáng tác đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông năm 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. *Trong chiến dịch ấy, cũng như những năm đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội ta còn hết sức thiếu thốn. Nhưng nhờ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu và tình đồng chí, đồng đội, họ đã vượt qua tất cả để làm nên chiến thắng. Sau chiến dịch này, Chính Hữu viết bài thơ “Đồng chí” vào đầu năm 1948, tại nơi ông phải nằm điều trị bệnh. Bài thơ là kết quả của những trải nghiệm thực và những cảm xúc sâu xa, mạnh mẽ, tha thiết của tác giả với đồng đội, đồng chí của mình trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947)*
- Bài thơ là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về người lính cách mạng của văn học thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954).
- Bài thơ đi theo khuynh hướng : Cảm hứng thơ hướng về chất thực của đời sống kháng chiến, khai thác cái đẹp, chất thơ trong cái bình dị, bình thường, không nhân mạnh cái phi thường.

- Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng – mà phần lớn họ đều xuất thân từ nông dân. Đồng thời bài thơ cũng làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội trong thời kì của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn rất khó khăn, thiếu thốn. (Đó là hai nội dung được đan cài và thống nhất với nhau trong cả bài thơ)

- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

- Mạch cảm xúc (bố cục)

- Bài thơ theo thể tự do, có 20 dòng, chia làm hai đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn, sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7,17 và 20)

Phần 1: 6 câu thơ đầu: Lý giải về cơ sở của tình đồng chí. Câu 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ với một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.

Phần 2: 10 câu thơ tiếp theo: Những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí, đồng đội của người lính

+ Đó là sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau (Ruộng nương anh gửi bạn thân cày..... nhớ người ra lính)

+ Đó là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính (Áo anh rách vai.... Chân không giày)

+ Sự lạc quan và tình đồng chí đồng đội đã giúp người lính vượt qua được những gian khổ, thiếu thốn ấy.

Phần 3: 3 câu cuối: Biểu tượng giàu chất thơ về người lính.

3. Phân tích bài thơ.

Đề bài: *Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.*

Dàn ý chi tiết:

I - Mở bài:

Cách 1:

- Chính Hữu là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Phần lớn thơ ông hướng về đề tài người lính với lời thơ đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ hàm súc, cô đọng giàu hình ảnh

- Bài thơ “Đồng chí” là một trong những bài thơ viết về người lính hay của ông. Bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

Cách 2: Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình tượng người lính đã đi vào lòng người và văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính

Cụ Hồ là “Đồng chí” của Chính Hữu. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

II – Thân bài

Chính Hữu viết bài thơ : “Đồng chí” vào đầu năm 1948, khi đó ông là chính trị viên đại đội, đã từng theo đơn vị tham gia chiến dịch Việt Bắc, và cũng là người đã từng sống trong tình đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó vượt qua những khó khăn gian khổ trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

1. Trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng

- ***Cùng chung cảnh ngộ xuất thân:*** Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ giã quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lí tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị và cũng rất quen thuộc:

Quê hương anh nước mặn đồng chua.

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

+ Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc.

=> Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ. Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

- ***Cùng chung lí tưởng chiến đấu:*** Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn “xa lạ”:

“Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”

Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những

người nghèo, người lao động. Nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lý tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hình ảnh : “Anh – tôi” riêng biệt đã mờ nhoà, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lý tưởng chiến đấu: “*Súng bên súng đầu sát bên đầu*”. “Súng” và “đầu” là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp. Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

- *Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui*, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. Đêm Việt Bắc thì quá rét, chăn lại quá nhỏ, loay hoay mãi không đủ ấm. Đắp được chăn thì hờ đầu, đắp được bên này thì hờ bên kia. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ “xa lạ” họ đã trở thành tri kỉ của nhau. “Tri kỉ” là người bạn thân thiết hiểu rất rõ về ta. Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chất lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Bao nhiêu yêu thương được thể hiện qua những hình ảnh vừa gần gũi vừa tình cảm hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm triu mến, yêu thương với đồng đội. Hình ảnh thật giản dị nhưng rất cảm động.

- Từ trong tâm khảm họ, bỗng bật thốt lên hai từ « đồng chí ». Từ “đồng chí” được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này. Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lỗi bên trong là « tình tri kỉ » lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lý tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí” họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Câu thơ vẹn vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo. Quả thật ngôn từ Chính Hữu thật là hàm súc.

2.Nhưng Chính Hữu đã không dừng lại ở việc biểu hiện những xúc cảm về quá trình hình thành tình đồng chí. Trong mười câu thơ tiếp theo nhà thơ sẽ nói với chúng ta về những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí

Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau.

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

+ Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ: “Ruộng nương” đã tạm gửi cho “bạn thân cày”, “gian nhà không” giờ để “mặc kệ gió lung lay”. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những tính toán riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được cái kiên quyết dứt khoát mạnh mẽ của người ra đi khi lí tưởng đã rõ ràng, khi mục đích đã lựa chọn. Song dù dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính nông dân hiền lành chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Chính thái độ gồng mình lên ấy lại cho ta hiểu rằng những người lính càng cố gắng kiềm chế tình cảm bao nhiêu thì tình cảm ấy càng trở nên bỏng cháy bấy nhiêu. Nếu không đã chẳng thể cảm nhận được tính nhớ nhung của hậu phương: “giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”. Hình ảnh thơ hoán dụ mang tính nhân hoá này càng tô đậm sự gắn bó yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình. Giếng nước gốc đa kia nhớ người ra lính hay chính tấm lòng người ra lính không nguôi nhớ quê hương và đã tạo cho giếng nước gốc đa một tâm hồn? Quả thực giữa người chiến sĩ và quê hương anh đã có một mối giao cảm vô cùng sâu sắc đậm đà. Tác giả đã gọi nên hai tâm tình như đang soi rọi vào nhau đến tận cùng. Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, một nỗi nhớ thương vơi đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

- Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá*

Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá: “áo rách vai, quần tôi vài mảnh vá, chân không giày...” Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội Cụ Hồ mới được thành lập, thiếu thốn

đu đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là “vệ túm”. Đọc những câu thơ này, ta vừa không khỏi chạnh lòng khi thấu hiểu những gian nan vất vả mà thế hệ cha ông đã từng trải qua vừa trào dâng một niềm kính phục ý chí và bản lĩnh vững vàng của những người lính vệ quốc.

- **Cùng hướng về một lí tưởng, cùng nếm trải sự khắc nghiệt của chiến tranh, người lính chia sẻ cho nhau tình thương yêu ở mức tốt cùng.** Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã ấm lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Rồi đến cái cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu không ồn ào mà thâm thía. Trong buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến để truyền cho nhau hơi ấm, truyền cho nhau niềm tin, truyền cho nhau sức mạnh để vượt qua tất cả, đẩy lùi gian khổ. Những cái nắm tay ấy đã thay cho mọi lời nói. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nhà thơ đã phát hiện rất tinh cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thâm lặng nhưng rất đổi thiêng liêng này.

3. Ba câu thơ cuối là bức tranh đẹp về tình đồng chí:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc. Nền bức tranh là đêm – “rừng hoang sương muối” gợi ra một cảnh tượng âm u, hoang vắng và lạnh lẽo. Không chỉ cái giá, cái rét cứ theo đuổi mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ.

- Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới trong cái nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Từ “chờ” cũng đã nói rõ cái tư thế, cái tinh thần chủ động đánh giặc của họ. Rõ ràng khi những người lính đứng cạnh bên nhau vững chãi, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm họ để họ có sức mạnh vượt qua cái cái gian khổ, ác liệt, giá rét ấy... Tầm vóc của những người lính bỗng trở nên lớn lao anh hùng.

- Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vàng trắng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Rõ ràng, tình cảm đồng chí ấm áp, thiêng liêng đã mang đến cho người lính nét lãng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “Đầu súng trăng treo”. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn nhạy cảm của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của trăng. Bốn chữ “Đầu súng trăng treo” chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi, dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông

chênh, trong bát ngát...gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau - mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là “một cặp đồng chí” tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng.

=> Hiếm thấy một hình tượng thơ nào vừa đẹp vừa mang đầy ý nghĩa như “Đầu súng trăng treo”. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc.

4. Suy nghĩ về tình đồng chí: Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính “áo rách vai”, “chân không giày” vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc.... tô thắm thêm trang sử chống Pháp hào hùng của dân tộc.

III - Kết luận:

Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng, thơ mộng. Cấu trúc song hành và đối xứng xuyên suốt bài thơ làm hiện lên hai gương mặt người chiến sĩ rất trẻ như đang thủ thi, tâm tình, làm nổi bật chủ đề tư tưởng: Tình đồng chí gắn bó keo sơn. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam.